

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Tân Ánh Dương tại Văn bản số 07/2025/CV-TAD ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung trong Báo cáo cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất hàng nội, ngoại thất từ nhôm, sắt, inox đan nhựa giả mây xuất khẩu và tiêu thụ nội địa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Tân Ánh Dương, địa chỉ tại một phần lô C3, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam (nay là phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất hàng nội, ngoại thất từ nhôm, sắt, inox đan nhựa giả mây xuất khẩu và tiêu thụ nội địa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất hàng nội, ngoại thất từ nhôm, sắt, inox đan nhựa giả mây xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng cho thuê thuộc Cơ sở sản xuất kinh doanh giấy Tân Bình của Công ty TNHH Tân Bình tại một phần lô C3, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Quy Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100711043, đăng ký lần đầu ngày 07/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03/01/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (nay là Sở Tài chính tỉnh Gia Lai) cấp.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 288/QĐ-BQL cấp ngày 30/5/2025 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai) cấp.

1.4. Mã số thuế: 4100711043.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm nội, ngoại thất từ nhôm, sắt, inox đan nhựa giả mây.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án thực hiện trên cơ sở thuê lại nhà xưởng thuộc Cơ sở sản xuất kinh doanh giấy Tân Bình của Công ty TNHH Tân Bình, tổng diện tích 4.000m².

- Dự án đang hoạt động có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đang hoạt động có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất: 5.000 bộ sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (Sắt hộp kẽm, nhôm, inox) → Cắt định hình → Hàn thành khung → Kiểm tra → Phun sơn tĩnh điện → Sấy → Khung kim loại thành phẩm → Đan thủ công dây nhựa vào khung → KCS kiểm tra, đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Tân Ánh Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Tân Ánh Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi các chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay các hoạt động liên quan đến việc đấu nối nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND phường Quy Nhơn Tây nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý Khu kinh tế để được xem xét, giải quyết.

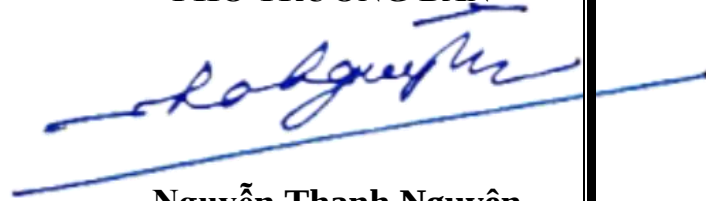
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 07 tháng 8 năm 2035).

Điều 4. Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND phường Quy Nhơn Tây;
- Công ty TNHH SX-TM Tân Ánh Dương;
- Công ty TNHH Tân Bình;
- Công ty CP ĐTXD Bình Định;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng: QLĐT, QLQHXD, QLDN;
- VP Ban (công khai trên website);
- Lưu: VT, P.QLTNMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục 01**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-BQL ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường vì sử dụng chung cơ sở hạ tầng thu gom, thoát nước thải đã xây dựng tại Cơ sở sản xuất kinh doanh giấy Tân Bình của Công ty TNHH Tân Bình theo Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 05/2024/HĐKT ngày 01/11/2024 và phụ lục Hợp đồng cho thuê nhà xưởng ngày 01/4/2025 đã được đại diện lãnh đạo 02 đơn vị ký thống nhất (toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động các dự án, cơ sở tại lô C3, Khu công nghiệp Phú Tài do Công ty TNHH Tân Bình chịu trách nhiệm thu gom xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Phú Tài, không xả thải ra ngoài môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Không được sử dụng nước để vệ sinh máy móc, thiết bị, nền nhà xưởng làm phát sinh nước thải sản xuất theo đúng nội dung cam kết trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án;

- Thực hiện đúng nội dung thỏa thuận giữa Chủ dự án với Công ty TNHH Tân Bình về việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng thu gom, thoát nước thải tại lô C3, Khu công nghiệp Phú Tài; đảm bảo không làm phát sinh các sự cố môi trường hoặc các tranh chấp liên quan đến trách nhiệm thu gom, xử lý sơ bộ và đầu nối nước thải theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 02**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-BQL ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Bụi sơn phát sinh từ hệ thống phun sơn tĩnh điện

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Miệng ống thoát của hệ thống xử lý bụi phun sơn tĩnh điện, tọa độ $X = 1.523.334$; $Y = 596.748$ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $12.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục theo thời gian hoạt động sản xuất của dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B ($K_p = 01$; $K_v = 01$) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
01	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	(*)		

Ghi chú:

- (*): Giá trị giới hạn cho phép đối với lưu lượng xả khí thải (bụi sơn) là giá trị lưu lượng xả lớn nhất quy định tại mục 2.2 phần A phụ lục này.

- Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải (bụi sơn) từ nguồn phát sinh để đưa về hệ

thống xử lý:

Khí thải (bụi sơn) phát sinh từ hệ thống phun sơn tĩnh điện được thu gom vào hệ thống xử lý bụi bằng đường ống D300mm thông qua quạt hút có công suất 11KW.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi sơn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (bụi sơn) → Cyclone thu hồi bụi → Buồng lọc bụi (Fiter Lọc bụi) → Quạt hút → Ống thoát.

- Tổng công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: Không.

- Vật liệu sử dụng: 08 Fiter lọc bụi dạng ống lọc Cartridge Polyester.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến khí thải (bụi sơn) theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý khí thải (bụi sơn) của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý bụi sơn đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn) theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.

- Trong quá trình hoạt động, khi có sự cố xảy ra liên quan đến hoạt động phát sinh khí thải (bụi sơn), Chủ dự án phải tạm dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, xác định nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Sau khi hoàn thành việc khắc phục sự cố, bảo đảm an toàn khi vận hành và hệ thống thu gom, xử lý khí thải (bụi sơn) hoạt động đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định thì mới được hoạt động trở lại công đoạn sản xuất có phát sinh khí thải (bụi sơn).

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo nội dung đề xuất và cam kết của chủ dự án:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý khí thải (bụi sơn) theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải (bụi sơn) phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại lỗ lấy mẫu trên đường ống thoát của hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn) của dự án theo vị trí được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông

tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (bụi sơn) phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý khí thải (bụi sơn) đảm bảo không để khí thải (bụi sơn) phát tán ra môi trường làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí trong và ngoài phạm vi dự án. Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các hệ thống xử lý và kịp thời có phương án sửa chữa, thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng, xuống cấp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, trang thiết bị để vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý khí thải (bụi sơn); Đảm bảo ống thoát của hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn) phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính hoặc độ rộng theo quy định, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu (Vị trí điểm lấy mẫu, đường kính hoặc độ rộng đảm bảo theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021).

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại Khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ khi triển khai thực hiện việc vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn) như: thời gian thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, thời gian lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm; ghi sổ nhật ký vận hành thử nghiệm,....

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý khí thải (bụi sơn).

3.6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải (bụi sơn) không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 03
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-BQL ngày 08 tháng 8 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực gia công cơ khí.
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống phun sơn tĩnh điện.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-BQL ngày 08 tháng 8 năm 2025
của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
01	Ấc quy chì thải	06	16 01 12	NH
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	05	16 01 06	NH
03	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	10	17 02 04	NH
04	Bao bì mềm thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (tấm lót, thùng carton,...)	19	18 01 01	KS
05	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa đựng hóa chất)	20	18 01 03	KS
06	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	24	18 02 01	KS
07	Bụi sơn thu gom từ hệ thống xử lý khí thải	879	08 01 01	KS
	Bột sơn nguyên liệu rơi vãi thu gom từ quá trình quét dọn nhà xưởng (không còn giá trị sử dụng)	5		
08	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	45	07 04 01	KS
09	Xỉ hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	51	07 04 02	KS
	Tổng số lượng	1.064		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Các loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
01	Kim loại	67
02	Dây nhựa	43
03	Bao bì (carton, nhựa)	17
	Tổng cộng	127

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 0,9 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa chuyên dụng tại kho chứa CTNH để thu gom và lưu chứa CTNH phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 01 kho chứa CTNH ở phía Đông Bắc của nhà xưởng có diện tích 06m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không thấm thấu; cos nền cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chứa để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa),... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Kim loại thải được thu gom, lưu chứa trong các bao bì có dây buộc, đặt trên các pallet gỗ bố trí tại địa điểm có diện tích 04 m² bên trong nhà xưởng.

- Dây nhựa thải được thu gom, lưu chứa trong các bao bì có dây buộc, đặt trên các pallet gỗ bố trí tại địa điểm có diện tích 04 m² bên trong nhà xưởng.

- Bao bì (carton, nhựa) thải được thu gom và đặt trên các pallet gỗ bố trí tại địa điểm có diện tích 06 m² bên trong nhà xưởng (bao bì carton được sắp xếp bên ngoài, các loại bao bì nhựa được lưu chứa trong các bao bì có dây buộc).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đảm bảo công tác phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Khu vực để thiết bị lưu chứa: tại khu vực xưởng sản xuất.

* Các thiết bị, công trình lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hoạt động tự tái sử dụng chất thải

- Loại chất thải tự tái sử dụng: Bụi sơn thu gom từ hệ thống xử lý khí thải.
- Khối lượng bụi sơn thu gom, tự tái sử dụng: 879 kg/năm.
- Quy trình tái sử dụng:

+ Bụi sơn sau khi thu hồi tại phễu thu gom bụi của Cyclone → Thu gom thủ công → Đưa về lại buồng cấp nguyên liệu của hệ thống phun sơn tĩnh điện;

+ Bụi sơn sau khi thu hồi tại ngăn chứa bụi của buồng lọc bụi (filter lọc bụi) → Thu gom thủ công → Đưa về lại buồng cấp nguyên liệu của hệ thống phun sơn tĩnh điện.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện đúng nội dung thỏa thuận giữa Chủ dự án với Công ty TNHH Tân Bình liên quan đến việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Định kỳ chuyển giao CTNH và chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Phụ lục 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-BQL ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai)

1. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án trên cổng thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND phường Quy Nhơn Tây trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

3. Duy trì vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình xử lý, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; thường xuyên theo dõi, giám sát và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa kịp thời khi bị hư hỏng, xuống cấp, không để phát tán chất thải không đạt quy chuẩn cấp phép ra môi trường.

4. Các loại CTNH phải được phân loại theo mã chất thải để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp; chất thải công nghiệp phải kiểm soát, trường hợp chưa được phân định thì phải thực hiện quản lý như CTNH. Được sử dụng chung thiết bị lưu chứa đối với các mã CTNH có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp; thực hiện lưu giữ chứng từ CTNH theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

6. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hoá chất và PCCC; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường trong quá trình hoạt động. Chủ dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra các sự cố môi trường liên quan đến chất thải tại Dự án.

8. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy định mới.